

Bản án số: 31/2021/HSST

Ngày: 30/8/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quýnh; Ông Hoàng Công Sáu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký TAND huyện Nam Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Nghị, ông Phùng Văn Huân - Kiểm sát viên VKSND huyện Nam Sách.

Ngày 30/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2021/HSST ngày 06/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HS ngày 16/8/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1987;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị M; vợ là chị Nguyễn Thị Thúy Q1; có 02 con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 31/10/20213, UBND huyện N quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh theo Quyết định số 2142 ngày 31/10/2013.

+ Ngày 04/11/2015, UBND huyện N quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 3868 ngày 04/11/2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/5/2021 đến ngày 07/5/2021 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải dương.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Khả Q, sinh năm: 1993;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Khả T và bà Lê Thị T2; Tiền án: chưa;

Tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số 44/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND xã Q, huyện Nam Sách, thời hạn 03 tháng kể từ ngày 16/3/2021 đến 16/6/2021.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/7/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

Có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại*: Anh Trần K, sinh năm 1971 và chị Phạm Thị B, sinh năm 1966;
Đều trú tại: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên toà.

- *Người làm chứng*:

+ Anh Lê Văn H1, sinh năm 1984;

Trú tại: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Trần Quang Đ, sinh năm 1994;

Trú tại: Thôn L xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Dương Đình C, sinh năm 1982;

Trú tại: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Nguyễn Thị Thúy Q1, sinh năm 1985;

Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 29/4/2021, Nguyễn Hữu H đi qua nhà chị Lê Thị K ở thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương, H nhìn thấy chiếc xe ô tô tải biển số 34C-135.32 của ông Trần K đang đỗ ở trên vỉa hè trước cửa lán làm đá lạnh của nhà chị K. Do trước đây H là lái xe thuê cho ông K nên biết ông K có treo 01 chiếc chìa khoá cánh dự phòng của cửa cabin xe ô tô ở thành thùng trước cửa xe (sau cabin) và biết ông K thường để 01 chiếc Ipad trong cabin. H nảy sinh ý định lấy trộm chiếc Ipad để bán lấy tiền tiêu cá nhân. H đi đến lấy chiếc chìa khoá, cắm vào cánh cửa cabin bên phụ nhưng không mở được và bị gãy chìa. H cắt chiếc chìa gãy vào túi quần.

Đến khoảng 17 giờ ngày 30/4/2021, H đem chiếc chìa khoá gãy đến quán của anh Lê Văn H1 thuê anh H1 đánh chiếc chìa khoá mới. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, H nhờ bạn là Lê Khả Q đưa H đi có việc. Q đồng ý và mượn chiếc xe mô tô loại Dream không biển số của bạn là B ở thôn A, xã C để chở H đi. H bảo Q chở đến

quán của anh H1 lấy chiếc chìa khoá rồi đi ra QL 37 hướng thị trấn S. Trên đường đi, H nói với Q là đi lấy cái Ipad trên xe ô tô của nhà ông K, H biết trên xe có chiếc Ipad vì trước đây H lái xe cho nhà này. Khi Q chở H đi qua nhà chị K, H chỉ vào chiếc xe ô tô tải biển số 34C-145.32 của ông K đang đỗ trên vỉa hè rồi bảo Q lấy Ipad ở xe này. Q chở H đi quanh khu vực đó xem có ai để ý không, nhìn xung quanh không có ai, Q đỗ xe cách nhà chị K khoảng 15-20m, H đi bộ đến chiếc xe ô tô, lấy chìa khoá cắm vào ổ khoá cách cửa bên phụ cabin xe nhưng không mở được. H đi ra chỗ Q nói không mở được cửa. Khoảng 05 phút sau, H đi quay lại chỗ chiếc xe ô tô cắm chìa khoá vào ổ khoá cách cửa bên lái cabin xe thì mở được. H chèo lên cabin để lấy chiếc ipad. Khi đó H nhìn thấy 01 chiếc túi xách bằng da màu nâu để ở gần cần gạt sang số của xe, H mở túi thấy bên trong có 02 cọc tiền Polime, H lấy 02 cọc tiền cất vào trong ống tay áo khoác, lấy chiếc Ipad màu trắng nhãn hiệu Apple Air 2 có vỏ ốp màu đen ở ghế phụ của xe cùng 01 quyển sổ ghi chép cũ đang đặt trên chiếc Ipad, sau đó rút chốt cánh cửa bên phụ xuống xe rồi đi ra chỗ Q chờ, bảo Q đi nhanh về hướng thị trấn S. Q chỉ biết H lấy được chiếc Ipad và quyển sổ, không biết H lấy số tiền trên. Khi đi đến khu nghĩa địa thôn A, xã Q, cả hai dừng xe để Q tắt định vị của chiếc Ipad nhưng không tắt được. H và Q đi vào nghĩa địa giấu quyển sổ rồi đi đến đường T, thị trấn S bán chiếc Ipad cho anh Trần Quang Đ, sinh năm 1994 ở thôn L, xã Đ với số tiền 2.000.000 đồng. Anh Đ đưa cho H số tiền 1.100.000 đồng, 02 mã thẻ nạp tiền điện thoại di động, mỗi mã thẻ trị giá 200.000 đồng, chuyển vào tài khoản của H 500.000 đồng (anh Đ không biết chiếc Ipad do H và Q trộm cắp được). H cho Q 01 mã thẻ nạp tiền điện thoại trị giá 200.000 đồng mà anh Đ đưa. Khoảng 21 giờ cùng ngày, H đi đến nhà nghỉ M thuộc phường T, TP C thuê phòng, H lấy từ cọc tiền trộm cắp được trả tiền xe taxi hết 120.000 đồng, vào phòng nghỉ bỏ ra đếm cọc tiền thứ nhất số tiền là 40.000.000 đồng, cọc tiền thứ hai là 18.560.000 đồng. H tiếp tục bắt xe taxi về khu vực ngã 3 Đ, phường S, TP C mua 01 chiếc điện thoại di động loại oppo cùng sim điện thoại hết số tiền 6.500.000 đồng và H nhờ người bán hàng chuyển vào tài khoản của H số tiền 2.000.000 đồng. Sáng ngày 01/5/2021, H đi taxi đến quán Internet của anh Dương Đình C, ở thôn X, xã T để chơi điện tử. H truy cập vào trang Website có địa chỉ <https://m88> rồi sử dụng tài khoản mang tên hoanghieu758, mật khẩu “Hieu758@” và sử dụng tiền trộm cắp được chuyển vào tài khoản ngân hàng để nạp tiền vào tài khoản này để đánh bạc qua mạng Internet dưới hình thức “Tài-siu”. Cùng ngày, H gặp anh Bùi Bá N ở Ngã tư G, phường T, TP C nhờ anh N chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản tại BIDV số 46010003170640 mang tên Nguyễn Hữu H, ngoài ra H còn nhờ một số người lạ khác ở quán nước khu vực phường T chuyển hộ tiền vào tài khoản của H.

Sau đó H báo cho vợ là chị Nguyễn Thị Thuý Q1 là H đã trộm cắp tiền của ông K và H chuyển số tiền 28.000.000 đồng vào tài khoản của chị Q1 để chị Q1 rút ra trả lại ông K. Ngày 03/5/2021, gia đình ông K đã chuộc lại được chiếc Ipad từ anh Trần Quang Đ số tiền 2.200.000 đồng. Đến ngày 04/5/2021, H đến Công an xã Q đầu thú. Số tiền H chiếm đoạt được của ông K, H sử dụng: mua chiếc điện thoại di động hết 6.500.000 đồng; trả tiền quán Internet, mua nước ngọt, thuốc lá, nạp thẻ điện thoại từ nhà anh C hết 2.000.000 đồng; trả tiền làm chìa khoá cho anh H1 hết 100.000 đồng; trả tiền thuê xe taxi hết 1.000.000 đồng; nạp chuyển khoản vào tài khoản trên trang website có địa chỉ <https://m88> để đánh bạc hình thức tài-siu hết 10.500.000 đồng; chuyển vào tài khoản cho vợ là chị Q1 để trả lại ông K số tiền 28.000.000 đồng; hiện trong tài khoản ngân của thẻ ngân hàng BIDV của H còn 6.500.000 đồng; số tiền còn lại H tiêu sài cá nhân hết. Chiếc điện thoại H mua từ tiền trộm cắp được, H khai đã đập vỡ, chiếc chìa khoá H làm để mở cửa cabin xe ô tô H vứt đi, quyền sở ghi chép cũ các bị cáo giấu ở nghĩa trang, chiếc xe mô tô Q mượn của bạn tên là B không rõ biển số, Q đã trả lại B nên không truy tìm được. Cơ quan điều tra rà soát camera khu vực hiện trường, đã trích xuất và thu giữ 02 tệp video hình ảnh từ camera của nhà chị Lê Thị K ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ án.

Tại kết luận giám định số 3811/C09-P6 ngày 11/6/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 tệp video gửi giám định.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16 ngày 30/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện N, kết luận: Tổng trị giá tài sản (chiếc Ipad nhãn hiệu Apple Air 2 kèm vỏ ốp) có trị giá 5.466.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKS-NS ngày 05/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Hữu H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS và Lê Khả Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX: 1, Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Q. Tuyên bố các bị cáo H, Q phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Xử phạt: H 25 - 28 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ; xử phạt: Q 7-9 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam. 2, Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi chìa khóa bằng kim loại màu trắng dài 3,5cm bị gãy rời khỏi chuôi chìa khóa; Trả lại cho H 01 thẻ

ATM tại ngân hàng BIDV. 3, Về án phí: Các bị cáo H, Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Hữu H và Lê Khả Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố các bị cáo là đúng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Người bị hại là anh K, chị B vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn xin vắng mặt trình bày bị cáo H và gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh chị số tiền là 60.000.000đ, anh chị không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an huyện Nam Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và tang vật chứng, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 ngày 30/4/2021, tại vỉa hè trước cửa lán làm đá lạnh của nhà chị Lê Thị K ở thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Hữu H và Lê Khả Q có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc Ipad nhãn hiệu Apple Air 2 có trị giá 5.466.000đồng của anh K, chị B. Ngoài ra, Nguyễn Hữu H còn lén lút chiếm đoạt số tiền 58.680.000đồng của anh K, chị B. Các tài sản trên để trong cabin xe ô tô tải biển số 34C-135.32.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự tại địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lười lao động, muốn có tiền tiêu sài nên đã lợi dụng sơ hở của người bị hại lén lút chiếm đoạt tài sản của họ. Giá trị tài sản bị cáo H, Q đồng phạm chiếm đoạt là 5.466.000đồng. Ngoài ra, riêng bị cáo H còn chiếm đoạt số tiền 58.680.000đồng, tổng giá trị mà bị cáo H chiếm đoạt là 64.146.000đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố bị cáo H theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Q theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng.

[4] Đây là vụ án đồng phạm có hai bị cáo, nên cần đánh giá vai trò, vị trí, tính chất mức độ hành vi và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp. Bị cáo H là người đề xuất, chuẩn bị công cụ, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo Q giữ vai trò giúp sức, đứng ngoài cảnh giới, cùng với H đem tài sản trộm cắp đi bán nên giữ vai trò thứ hai.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo H sau khi phạm tội ra đầu thú và cùng gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại cho bị hại nên bị cáo H được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Bị cáo Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo Q có 1 tiền sự, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, chưa chấp hành xong mà lại thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Bị cáo H chưa có tiền án tiền sự, nhưng bị cáo đã 02 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Mặc dù đã hết thời hạn và được coi là chưa bị xử lý hành chính nhưng qua đó đánh giá về ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo.

Xét vai trò, tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo cần bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng xét các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập, tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 60.000.000đ, bị hại không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với 01 lưỡi chìa khoá bằng kim loại màu trắng dài 3,5cm bị gãy rời khỏi chuôi chìa khoá là công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Hữu H có số thẻ 9704180084199942 – thẻ bằng nhựa cứng màu vàng của bị cáo H không phải vật chứng nên trả lại cho bị cáo.

Bị cáo Q xác định được bị cáo H cho 01 mã thẻ nạp tiền điện thoại trị giá 200.000đ nhưng bị cáo không nạp được, bị cáo H thừa nhận. Xác định bị cáo Q chưa được hưởng lợi số tiền trên nên không truy thu của bị cáo.

[8] Anh Lê Văn H1 không biết H đánh chìa khoá để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và không biết số tiền H trả là tiền do phạm tội mà có; anh Dương Đình C không biết số tiền H trả chơi Internet, mua nước ngọt, thuốc lá, nạp thẻ điện thoại là tiền phạm tội mà có; anh Trần Quang Đ không biết chiếc Ipad I, Q bán là tài sản do phạm tội mà có; anh Bùi Bá N và một số người khác được H nhờ chuyển hộ tiền vào tài khoản của H nhưng không biết nguồn tiền là do H phạm tội mà có, nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

H khai sử dụng số tiền 10.500.000đồng trộm cắp được để đánh bạc trên mạng, dưới hình thức Tài-Siêu. Tài liệu điều tra thể hiện: H sử dụng tài khoản ngân hàng của mình mở tại ngân hàng BIDV để mua điểm của tài khoản mạng có tên M88 và sử dụng số điểm này để chơi trò chơi “tài-siêu”. Tài khoản M88 là một tài khoản trên mạng không xác định được chủ của tài khoản, nên không đủ căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[10] Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu H;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Khả Q;

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu H, Lê Khả Q phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Hữu H **33** (*Ba mươi ba*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 04/5/2021

Xử phạt: Lê Khả Q **09** (*Chín*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 02/7/2021.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi chìa khóa bằng kim loại màu trắng dài 3,5cm bị gãy rời khỏi chuôi chìa khóa. Trả lại cho bị cáo H 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV mang

tên Nguyễn Hữu H có số thẻ 9704180084199942 - thẻ bằng nhựa cứng màu vàng (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nam Sách và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách ngày 06/8/2021).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc các bị cáo Nguyễn Hữu H, Lê Khả Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Cơ quan điều tra - CA huyện Nam Sách;
- Cơ quan THAHS – CA huyện
- VKS tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh HD;
- Sở TP tỉnh HD;
- Phòng HS nghiệp vụ - Công an tỉnh HD;
- Chi cục THA huyện Nam Sách;
- UBND xã Q;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đoàn Thị Thu Thúy